

## KẾ HOẠCH

**Sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2024- 2025 theo Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII**

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Kế hoạch số 249-KL/TU ngày 24/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2024 -2025 như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn các ĐVSNCL theo tinh thần tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ: Phân đầu đến năm 2025, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Lào Cai (khối chính quyền) giảm 20% so với năm 2015 (giai đoạn 2015-2023 tỉnh Lào Cai đã giảm được 14,5%); Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nâng cao mức độ tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nơi có đủ điều kiện (tăng 10% trở lên đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên so với năm 2021, không bao gồm các đơn vị trường học).

2. Thực hiện việc rà soát, xây dựng quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL của tỉnh đảm bảo định hướng của các Bộ, ngành Trung ương; kiện toàn các ĐVSNCL, tinh gọn về đầu mối, kiên quyết tổ chức lại những đơn vị sự nghiệp hoạt động không hiệu quả; ĐVSNCL được thành lập mới phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (*trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu hoặc theo quy định của pháp luật chuyên ngành*).

3. Chỉ đạo điều chỉnh, phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các ĐVSNCL thuộc thẩm quyền quản lý. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước so với năm 2021 (*hoàn thành mục tiêu trong năm 2026*).

4. Việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo số lượng viên chức tối thiểu và số lượng cấp phó của ĐVSNCL theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ; gắn sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các ĐVSN công lập với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức; Tiếp tục nghiên cứu chuyển các đơn vị kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần khi có đủ điều kiện theo lộ trình và quy định của Chính phủ.

5. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tuyên truyền mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, nâng cao tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để thực hiện mục tiêu đổi mới sắp xếp và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Lào Cai hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo, dạy nghề**

1.1. Tổng kết mô hình thí điểm chuyển Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sa Pa về trực thuộc Trường Cao đẳng Lào Cai.

- Cơ quan chủ trì: Trường Cao đẳng Lào Cai;

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ; cơ quan phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở LĐ-TBXH.

- Thời gian thực hiện: *Hoàn thành trong tháng 6/2024.*

1.2. Sắp xếp, tổ chức lại các Trường mầm non, phổ thông gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, thành lập Trường phổ thông nhiều cấp học (tiểu học, THCS, THPT để giảm 35 trường trên địa bàn toàn tỉnh) phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị

- Cơ quan chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian thực hiện: Thực hiện từ năm học 2023-2024 đến năm học 2025-2026 theo Thông báo 2994-TB/TU ngày 28/9/2023 (*có phụ lục danh sách các trường sắp xếp kèm theo*).



1.3. Nghiên cứu đề xuất, xây dựng đơn giá đề thí điểm đặt hàng giao kinh phí ngân sách nhà nước theo đầu học sinh (theo hướng lựa chọn thực hiện tại trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường có đủ điều kiện để giải quyết tình trạng thiếu biên chế giáo viên cục bộ tại một số địa phương và bảo đảm mục tiêu, lộ trình cắt giảm biên chế (*thực hiện thí điểm tại một số Trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Lào Cai và một số huyện, thị xã nơi có đủ điều kiện*).

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.

- Thời gian thực hiện: Thực hiện trong năm 2024, năm 2025.

## **2. Lĩnh vực sự nghiệp y tế**

2.1. Tổng kết đánh giá thí điểm chuyển giao Trung tâm Y tế từ Sở Y tế về trực thuộc UBND cấp huyện tại thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế; cơ quan phối hợp: UBND thành phố Lào Cai và UBND thị xã Sa Pa.

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: Quý II/2024 (theo Thông báo số 2916-TB/TU ngày 31/8/2023).

2.2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Trung tâm Y tế Si Ma Cai

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế; cơ quan phối hợp: UBND huyện Si Ma Cai.

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: Quý III/2024.

2.3. Nghiên cứu chuyển giao các Trung tâm Y tế cấp huyện về trực thuộc UBND cấp huyện quản lý theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 99/2023/QH15 của Quốc hội (*sau đánh giá thí điểm tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa*)

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: Sở Y tế; cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện;

- Cơ quan thẩm định Đề án: Sở Nội vụ.

- Thời gian thực hiện: Quý III/2024 (theo Thông báo số 2916-TB/TU ngày 31/8/2023).

2.4. Tiếp tục sắp xếp kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế các đơn vị sự nghiệp y tế (các Trung tâm, bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện) nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở, y tế dự phòng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Cơ quan xây dựng Đề án: Sở Y tế.

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2024.

### 3. Lĩnh vực sự nghiệp khác

3.1. Nghiên cứu kiện toàn chức năng, nhiệm vụ Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (*tổ chức lại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai phù hợp với Luật Đất đai, Nghị định của Chính phủ*);

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan phối hợp: UBND thành phố Lào Cai.

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2024.

3.2. Sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương để nâng cao hiệu quả hoạt động lĩnh vực xúc tiến đầu tư, thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan phối hợp: Sở Công Thương;

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong quý II năm 2024.

3.3. Sắp xếp, kiện toàn Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh theo mô hình ĐVSN công lập hoạt động phù hợp, hiệu quả... thực hiện lộ trình nâng cao tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư theo chỉ đạo của Tỉnh ủy (*tại Thông báo số 2790-TB/TU ngày 14/7/2023*)

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: Sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: Sở Tài chính.

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2024.

3.4. Sáp nhập Văn phòng Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn vào Chi cục Thủy Lợi (giảm đầu mỗi đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: trong quý III năm 2024.

3.5. Đánh giá hoạt động của Ban Quản lý rừng phòng hộ trực thuộc Hạt Kiểm lâm các huyện, thị xã, thành phố; nghiên cứu đề xuất phương án tổ chức lại (bộ máy, biên chế) để quản lý theo cụm phù hợp với địa phương, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: trong quý IV năm 2024.

3.6. Hợp nhất Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường Hoàng Liên và Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật Hoàng Liên thuộc Vườn Quốc gia Hoàng Liên.

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: Vườn Quốc gia Hoàng Liên;
- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;
- Thời gian thực hiện: trong quý II năm 2024.

3.7. Giải thể Ban Quản lý khu du lịch sinh thái Hàm Rồng Sa Pa (khi có đủ điều kiện).

- Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: UBND thị xã Sa Pa;
- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ; Sở Tài chính;
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2025.

3.8. Đánh giá hiệu quả hoạt động các ĐVSN công lập được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý tại khu đô thị Y Tý, huyện Bát Xát; đề xuất giải pháp phù hợp đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ các đơn vị này (theo chủ trương tại Thông báo số 2707-TB/TU ngày 19/6/2023 của Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai và Nghị quyết 36-NQ/TU ngày 27/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai).

- Cơ quan chủ trì: UBND huyện Bát Xát và các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện.

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;
- Thời gian thực hiện: thực hiện trong tháng 4/2024.

3.9. Nghiên cứu thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc Trường Cao đẳng Lào Cai (theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ);

- Cơ quan xây dựng đề án: Trường Cao đẳng Lào Cai;
- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ.
- Thời gian thực hiện: trong Quý III năm 2024.

3.10. Nghiên cứu thực hiện việc thí điểm đặt hàng giao kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính ở một số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, Trung tâm công tác xã hội ...).

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện từ năm 2024 khi đủ điều kiện.

3.11. Đánh giá tổ chức hoạt động của Quỹ phát triển đất, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh để kiện toàn bố trí sắp xếp bộ máy, nhân lực hoạt động cho phù hợp.

- Cơ quan chủ trì: Quỹ phát triển đất tỉnh, Quỹ Đầu tư và phát triển tỉnh; cơ quan phối hợp Sở Tài chính.

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;
- Thời gian thực hiện: Thực hiện trong quý II/2024.

3.12. Đánh giá mô hình hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thị xã, thành phố, kiện toàn đảm bảo hoạt động hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

- Cơ quan chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện trong tháng 4/2024.

#### **4. Đẩy mạnh tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công**

4.1. Đối với ĐVSN công lập đang tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và ĐVSN do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Tiếp tục thực hiện lộ trình nâng cao mức độ tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành; ĐVSN công lập thuộc UBND tỉnh;
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện định kỳ hàng năm.

4.2. Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính:

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo ngành, lĩnh vực cho phù hợp theo quy định;

- Trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Trình UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

*Thời gian triển khai thực hiện: Từ năm 2024, trên cơ sở hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.*

4.3. Các sở, ban, ngành nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch, chính sách khuyến khích xã hội hóa, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. *Thời gian thực hiện từ năm 2024.*

**5. Thực hiện phê duyệt vị trí việc làm của các ĐVSNCL của tỉnh theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ (làm cơ sở để xác định biên chế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn**

để thực hiện lộ trình trả lương theo VTVL theo chỉ đạo của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn các bộ, ngành Trung ương).

- Cơ quan xây dựng Đề án: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các ĐVSN thuộc tỉnh;

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ.

- Thời gian thực hiện: Thực hiện trong quý I, II năm 2024.

## **6. Thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập để nâng cao hiệu quả hoạt động**

6.1. Các ĐVSN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thành lập Hội đồng quản lý theo quy định và hướng dẫn tại Thông tư của Bộ, ngành Trung ương.

- Đơn vị chủ trì xây dựng: Các ĐVSN công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư;

- Cơ quan thẩm định: Sở Nội vụ;

- Thời gian thực hiện: Thực hiện năm 2024, năm 2025 (Theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương).

6.2. Đối với các ĐVSN công lập lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp: Việc thành lập Hội đồng trường thực hiện theo quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành.

- Thời gian thực hiện: Thực hiện năm 2024, năm 2025 (theo pháp luật chuyên ngành riêng của Bộ, ngành).

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố**

a) Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao tại Mục II của Kế hoạch này để triển khai thực hiện;

b) Ngoài các nội dung nêu trên, thường xuyên rà soát, đề xuất sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý khi Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ có quy định mới và theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoặc theo yêu cầu thực tiễn;

c) Riêng UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo phân cấp để chỉ đạo rà soát, quyết định việc sắp xếp trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông để sáp nhập, hợp nhất một số trường Tiểu học với Trường Trung học cơ sở thành lập trường liên cấp (giảm đầu mối, cơ cấu lại đội ngũ viên chức để nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu tại địa phương).

### **2. Sở Nội vụ**

a) Giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp huyện trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch





đảm bảo chất lượng, hiệu quả; Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra tiến độ, các nội dung thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện để kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc;

b) Thẩm định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập do các cơ quan, đơn vị trình, báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương theo phân cấp và trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền;

c) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Kế hoạch này với UBND tỉnh, Bộ, ngành Trung ương; đề xuất UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; kiểm điểm, đánh giá xếp loại đối với tổ chức, cá nhân không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới hệ thống tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL.

### 3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Sở Tài chính: chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập nơi có đủ điều kiện; phấn đấu tăng đơn vị tự chủ tài chính tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu UBND tỉnh các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện cổ phần hóa ĐVSN công lập khi đủ điều kiện và theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn các ĐVSN công lập giai đoạn 2024-2025 (khỏi chính quyền), yêu cầu các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện (trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản hồi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp)./. *th*

#### Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC2. *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Trường

Handwritten text, possibly a date or reference number, located in the top left corner.





**PHỤ LỤC**  
**THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP, SẮP NHẬP, HỢP NHẤT CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP**  
**TRỰC THUỘC UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2024-2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: 203 /KH-UBND ngày 05 / 4 /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Quy mô trường lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú
	Tên trường	Số lớp					Tên trường dự kiến	Quy mô trường lớp dự kiến		
1	Thành phố Lào Cai								3	
1	Trường Tiểu Học Vạn Hòa	15	388	Hợp nhất thành trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường Tiểu học và THCS Vạn Hòa	17	581	1	
2	Trường THCS Vạn Hòa	2	193							
3	Trường Tiểu học Tả Phời	18	403	Hợp nhất thành trường liên cấp TH&THCS	2024-2025	Trường Tiểu học và THCS Tả Phời	26	699	1	
4	Trường THCS Tả Phời	8	296							
5	Trường Tiểu học Chu Văn An	16	636	Sắp nhập Trường TH Chu Văn An vào Trường TH Kim Đồng	2025-2026	Trường Tiểu học Kim Đồng	31	1169	1	
6	Trường Tiểu học Kim Đồng	15	533							
7	Trường Tiểu học Duyên Hải	9	280	Nâng cấp thành trường TH&THCS	2024-2025	Trường Tiểu học và THCS Duyên Hải	18	580	0	




STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Số lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú
	Tên trường	Quy mô trường lớp					Tên trường dự kiến	Quy mô trường lớp dự kiến		
II	Huyện Sĩ Ma Cai								4	
1	Trường Mầm non số 3 xã Quan Hồ Thần	10	189	Sáp nhập Trường MN số 3 vào Trường MN số 1 xã Quan Hồ Thần	2024-2025	Trường Mầm non số 1 xã Quan Hồ Thần	17	332	1	
2	Trường Mầm non số 1 xã Quan Hồ Thần	7	143							
3	Trường PTDTBT TH số 1 xã Quan Hồ Thần	15	238	Hợp nhất thành trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS số 1 xã Quan Hồ Thần	22	416	1	
4	Trường PTDTBT THCS số 1 xã Quan Hồ Thần	7	178							
5	Trường PTDTBT TH số 2 xã Quan Hồ Thần	14	251	Hợp nhất thành trường liên cấp TH&THCS	2024-2025	Trường TH và THCS số 2 xã Quan Hồ Thần	19	417	1	
6	Trường PTDTBT THCS số 2 xã Quan Hồ Thần	5	166							
7	Trường Tiểu học xã Bản Mế	14	248	Hợp nhất thành trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS xã Bản Mế	21	435	1	
8	Trường THCS xã Bản Mế	7	187							
III	Huyện Bắc Hà								2	
1	Trường TH Tài Chải	11	235	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2024-2025	Trường TH và THCS Tài Chải	18	431	1	
2	Trường THCS Tài Chải	7	196							





STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Số lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú	
	Tên trường	Quy mô trường lớp					Tên trường dự kiến	Quy mô trường lớp dự kiến			
3	Trường PTDIBT TH số 1 Hoàng Thu Phố		12	237	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2025-2026	Trường PTDIBT TH và THCS Hoàng Thu Phố	20	542	1	
4	Trường PTDIBT THCS Hoàng Thu Phố		8	305							
IV	<b>Huyện Bảo Thắng</b>									6	
1	Trường Tiểu học số 2 xã Thái Niên		12	227	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2023-2024	Trường Tiểu học và THCS xã Thái Niên	16	369	1	
2	Trường THCS số 2 xã Thái Niên		4	142							
3	Trường Mầm non Hoa Đào thị trấn Phố Lu		5	103	Sáp nhập Trường Mầm non Hoa Đào vào Trường Mầm non Bình Minh	2025-2026	Trường Mầm non Bình Minh thị trấn Phố Lu (Trường Mầm non Hoa Đào thành điểm trường)	28	703	1	
4	Trường Mầm non Bình Minh thị trấn Phố Lu		23	600							
5	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Phố Lu		13	418	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2024-2025	Trường Tiểu học và THCS Thị trấn Phố Lu	17	516	1	
6	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Lu		4	98							
7	Trường TH số 1 xã Xuân Giao		11	311			Trường Tiểu học xã Xuân Giao	19	495	1	
8	Trường TH số 2 xã Xuân Giao		8	184	Sáp nhập	2024-2025					



STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Số lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú
	Tên trường	Quy mô trường lớp					Tên trường dự kiến	Quy mô trường lớp dự kiến		
										
	<b>- Nghiên cứu tiếp tục sắp xếp các trường sau:</b>									
9	Trường TH số 1 xã Phú Nhuận	12	303	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2025-2026	Trường Tiểu học và THCS xã Phú Nhuận	24	699	1	
10	Trường THCS số 1 xã Phú Nhuận	12	396							
11	Trường TH số 2 xã Phú Nhuận	21	474	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2025-2026	Trường Tiểu học và THCS xã Phú Nhuận	26	635	1	
12	Trường THCS số 2 xã Phú Nhuận	5	161							
V	<b>Huyện Bảo Yên</b>									
1	Trường TH số 2 Xuân Hòa	18	439	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2024-2025	Trường TH và THCS số 2 Xuân Hòa	26	712	1	
2	Trường THCS số 2 Xuân Hòa	8	282							
3	Trường TH Phúc Khánh	8	196	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS Phúc Khánh	12	298	1	
4	Trường THCS Phúc Khánh	4	102							



STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Số lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú	
	Tên trường	Quy mô trường lớp					Tên trường dự kiến	Quy mô trường lớp dự kiến			
5	Trường PTDTBT TH Thượng Hà		16	309	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS số 2 Thượng Hà	24	504	1	
6	Trường THCS số 2 Thượng Hà		8	195							
7	Trường TH số 1 Vĩnh Yên		10	205	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS Vĩnh Yên	20	600	1	
8	Trường THCS Vĩnh Yên		10	395							
VI	Huyện Văn Bàn									5	
1	Trường MN&TH số 2 Nậm Xây		19	476	Chuyển giao cấp MN của trường MN&TH số 2 Nậm Xây vào trường MN Nậm Xây	2023-2024	Đổi tên trường MN&TH số 2 Nậm Xây thành Trường Tiểu học số 2 Nậm Xây	11	254		
2	Trường MN Nậm Xây		5	122			Trường Mầm non Nậm Xây (tiếp nhận cấp mầm non từ Trường Mầm non và Tiểu học số 02 Nậm xây)	13	344	0	Chăm dứt không liên cấp Cơ sở giáo dục Mầm non với các cơ sở giáo dục phổ thông theo Văn bản 3712/BGDĐT-CSVC của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Số lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú
	Tên trường	Quy mô trường lớp					Tên trường dự kiến	Quy mô trường lớp dự kiến		
3	Trường TH số 1 Dân Thành	10	164	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2023-2024	Trường PTDTBT TH và THCS Dân Thành	14	317	1	
4	Trường THCS Dân Thành	4	153							
5	Trường MN Dân Thành	6	83	Chuyển giao cấp MN của trường MN&TH số 2 Dân Thành vào trường Mầm Non Dân Thành						
6	Trường MN&TH số 2 Dân Thành (Chấm dứt hoạt động của Trường MN và Tiểu học số 2 Dân Thành)	8	155	Chuyên giao cấp TH của Trường MN&TH số 2 Dân Thành vào Trường PTDTBT TH&THCS Dân Thành	2024-2025	Trường MN Dân Thành (tiếp nhận cấp mầm non từ Trường Mầm non và Tiểu học số 02 Dân Thành)	9	142	1	Chấm dứt không hiện cấp Cơ sở giáo dục Mầm non với các cơ sở giáo dục phổ thông theo Văn bản 3712/BGDĐT-CSSVC của Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Trường PTDTBT TH&THCS Dân Thành (sau khi được liên cấp năm học 2023-2024)	14	317			Trường PTDTBT TH và THCS Dân Thành (Tiếp nhận cấp Tiểu học từ Trường MN và Tiểu học Dân Thành)	19	413	1	
8	Trường MN số 1 Dương Quý	9	213	Sáp nhập	2025-2026	Trường MN Dương Quý	16	365	1	
9	Trường MN số 2 Dương quý	7	152							
10	Trường PTDTBT TH Năm Xé	8	196	Hợp nhất thành Trường TH&THCS	2025-2026	Trường PTDTBT TH và THCS Năm Xé	12	313	1	
11	Trường THCS Năm Xé	4	117							



STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Quy mô trường lớp		Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú
	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Tên trường dự kiến			Số lớp	Số học sinh		
12	Trường TH số 1 Chiềng Ken	12	238	Sáp nhập trường TH số 1 Chiềng Ken vào Trường PTDTBT TH số 3 Chiềng Ken	2025-2026	Trường PTDTBT TH Chiềng Ken	17	361	1	
13	Trường PTDTBT TH số 3 Chiềng Ken	5	123						4	
VII	Huyện Bất Xát									
1	Trường THCS Thị trấn Bất Xát	14	470	Chuyển giao cấp THCS của trường TH&THCS Bản Trung vào trường THCS Thị trấn Bất Xát	2023-2024	Trường THCS Thị trấn Bất Xát (tiếp nhận cấp THCS của trường TH &THCS Bản trung)	18	596	1	Chấm dứt hoạt động của Trường TH và THCS tại Bản Trung, khác phục tình trạng trường lớp quy mô nhỏ trên cùng địa bàn xã (theo Văn bản 3712/BGDĐT-CSVC của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Chấm dứt hoạt động của Trường TH&THCS Bản Trung (chuyển giao cấp tiểu học về Trường Tiểu học thị trấn Bất Xát; Chuyển giao cấp THCS về trường TH Cơ sở thị trấn; chấm dứt hoạt động của Trường TH và THCS Bản Trung)	10	274	Chuyển giao cấp TH của trường TH&THCS Bản Trung vào trường TH Thị trấn Bất Xát		Trường TH Thị trấn Bất Xát (tiếp nhận cấp Tiểu học của TH &THCS Bản Chung)	30	889		
3	Trường TH Thị trấn Bất Xát	24	741							
4	Trường TH Bản Qua	9	227	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2024-2025	Trường Tiểu học và THCS Bản Qua	14	394	1	
5	Trường THCS Bản Qua	5	167							



STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Số lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường dự kiến	Quy mô trường lớp dự kiến		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú
	Số lớp	Số học sinh						Số lớp	Số học sinh		
6	Trường PTDTBT TH Dền Thàng		23	523	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường PTDTBT TH và THCS Dền Thàng	33	908	1	
7	Trường PTDTBT THCS Dền Thàng		10	385	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường PTDTBT TH và THCS Dền Thàng	33	908	1	
8	Trường TH Mường Vi		10	217	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS Mường Vi	14	350	1	
9	Trường THCS Mường Vi		4	133	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS Mường Vi	14	350	1	
VIII	Thị xã Sa Pa									4	
1	Trường TH San Sả Hồ II		10	226	Nâng cấp thành trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS Cầu Mây			0	
2	Trường TH Sa Pả		15	406	Nâng cấp thành trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường TH và THCS Sa Pả			0	
3	Trường TH Nậm Cang		7	185	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2023-2024	Trường TH và THCS Nậm Cang	11	314	1	
4	Trường THCS Nậm Cang		4	129	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2023-2024	Trường TH và THCS Nậm Cang	11	314	1	
5	Trường TH Thanh Phú		9	207	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2023-2024	Trường TH và THCS Thanh Phú	13	352	1	
6	Trường PTDTBT THCS Thanh Phú		4	145	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2023-2024	Trường TH và THCS Thanh Phú	13	352	1	







STT	Tên trường và quy mô trường lớp trước khi tổ chức lại		Số lớp	Số học sinh	Phương án tổ chức lại các đơn vị trường học	Năm học thực hiện	Tên trường và quy mô trường lớp sau khi tổ chức lại		Số đơn vị trường giảm	Ghi chú
	Quy mô trường lớp	Số học sinh					Quy mô trường lớp dự kiến	Số học sinh		
7	Trường PTDTBT TH Bản Phùng	15	264	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2024-2025	Trường PTDTBT TH và THCS Bản Phùng	21	440	1	
8	Trường PTDTBT THCS Bản Phùng	6	176	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2024-2025	Trường PTDTBT TH và THCS Bản Phùng	21	440	1	
9	Trường PTDTBT TH Nậm Sài	8	190	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường PTDTBT TH và THCS Nậm Sài	12	305	1	
10	Trường PTDTBT THCS Nậm Sài	4	115	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường PTDTBT TH và THCS Nậm Sài	12	305	1	
IX	Huyện Mường Khương								3	
1	Trường TH số 2 Thị trấn Mường Khương	10	187	Sáp nhập Trường TH số 2 thị trấn vào Trường TH số 1 thị trấn	2025-2026	Trường TH số 1 thị trấn Mường Khương	43	1214	1	
2	Trường TH số 1 Thị trấn Mường Khương	34	1027	Sáp nhập Trường TH số 2 thị trấn vào Trường TH số 1 thị trấn	2025-2026	Trường TH số 1 thị trấn Mường Khương	43	1214	1	
3	Trường TH Na Lốc	16	409	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2024-2025	Trường Tiểu học và THCS Na Lốc	24	637	1	
4	Trường THCS Na Lốc	8	228	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2024-2025	Trường Tiểu học và THCS Na Lốc	24	637	1	
5	Trường PTDTBT Tiểu học Cao Sơn	22	508	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Cao Sơn	31	840	1	
6	Trường PTDTBT THCS Cao Sơn	9	332	Hợp nhất thành Trường liên cấp TH&THCS	2025-2026	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Cao Sơn	31	840	1	



